

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: **8890**
/BCT-TTTN

V/v tham luận tại Hội nghị tổng kết
10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW
và Nghị quyết số 63/NQ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **21** tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện việc chuẩn bị tham luận tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về Đề án “An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020”, Bộ Công Thương đã chuẩn bị tham luận về “Hạ tầng phục vụ thương mại lương thực thực phẩm và triển vọng mở cửa thị trường xuất khẩu lương thực thực phẩm Việt Nam trong bối cảnh thực thi các FTAs” (xin gửi kèm theo).

Kính gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham luận nêu trên để tổng hợp và chuẩn bị các nội dung liên quan cho Hội nghị toàn quốc 10 năm về Đề án “An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020”./. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTTN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Khánh

BỘ CÔNG THƯƠNG

THAM LUẬN

Hạ tầng phục vụ thương mại lương thực thực phẩm và triển vọng mở cửa thị trường xuất khẩu lương thực thực phẩm Việt Nam trong bối cảnh thực thi các FTAs

(Kèm theo công văn số **8890**/BCT-TTTN ngày **21** tháng **11** năm 2019 của Bộ Công Thương)

Kính thưa:

Nước ta vốn đi lên từ một nước nông nghiệp với hơn 70% dân số ở nông thôn. Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản, vẫn chiếm một tỷ trọng lớn và giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Lương thực, thực phẩm là yếu tố đầu tiên, có tính chất quyết định sự tồn tại, phát triển của con người và phát triển kinh tế - xã của đất nước; lương thực thực phẩm hay nông sản nói chung đóng vai trò quan trọng trong xuất khẩu, tạo nguồn thu ngoại tệ để nhập khẩu máy móc, trang thiết bị, những sản phẩm phục vụ sản xuất và tiêu dùng mà trong nước chưa sản xuất được.

Những năm qua, thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn, sản xuất lương thực, thực phẩm tăng khá, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị của đất nước. Việc bảo đảm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu luôn được chú trọng. Bên cạnh đó, với việc tổ chức tốt hệ thống mua, bán và dự trữ ở các vùng miền đã tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận dễ dàng nguồn hàng lương thực, thực phẩm với chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

Ngoài ra, với việc triển khai công tác bình ổn thị trường, bình ổn giá mặt hàng lương thực, giữ giá gạo không tăng quá cao nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn hàng lương thực đối với người dân có thu nhập thấp và bình ổn giá thóc, gạo xuống để bảo đảm nguồn cung lương thực.

Kính thưa: các quý vị đại biểu

Để ổn định sản xuất nông nghiệp, góp phần đảm bảo thu nhập cho nông dân trồng lúa, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, Bộ Công Thương theo chỉ đạo của Chính phủ luôn tích cực chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành địa phương triển khai các giải pháp nhằm giúp đỡ, hỗ trợ cho nông nghiệp, cụ thể:

1. Về xây dựng và phát triển Hạ tầng phục vụ thương mại lương thực thực phẩm

a) Xây dựng và triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại trên cả nước, góp phần thúc đẩy hệ thống phân phối các mặt hàng thiết yếu trong đó có mặt hàng lương thực và vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất lương thực.

Bộ Công Thương đã ban hành quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại (quy hoạch chợ, quy hoạch trung tâm thương mại và siêu thị, quy hoạch trung

tâm logistics...), làm căn cứ cho các địa phương xây dựng và triển khai các quy hoạch, phát triển các loại hình hạ tầng thương mại, đảm bảo tiêu thụ hàng hóa, khắc phục tình trạng “được mùa mất giá”, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới. Hệ thống hạ tầng và cơ chế chính sách về phát triển thương mại đã hỗ trợ các doanh nghiệp thiết lập, phát triển hệ thống kênh phân phối hàng hóa, xây dựng được các giải pháp hình thành chuỗi cung ứng, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hiện đại, bền vững. Cụ thể:

- Chợ truyền thống: Cả nước có 8.475 chợ. Trong đó, 2.087 chợ thành thị, 6.388 chợ nông thôn; 229 chợ hạng 1; 903 chợ hạng 2; 7.205 chợ hạng 3 và 138 chợ chưa phân hạng. Giá trị hàng hóa dịch vụ qua hệ thống chợ chiếm từ 35%-40%. Chợ nông thôn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chợ trên cả nước (chiếm 75,4%). Thị phần hàng hóa lưu thông qua chợ nông thôn chiếm khoảng từ 50%-70%, cao hơn mức lưu thông qua chợ bình quân cả nước từ 35%-40%.

- Trung tâm thương mại và siêu thị: đến cuối năm 2018, có 212 trung tâm thương mại (48 hạng 1; 20 hạng 2; 141 hạng 3; 03 chưa phân hạng); 1.007 siêu thị (167 hạng 1; 230 hạng 2; 610 hạng 3; 44 chưa phân hạng). Tỷ trọng lưu chuyển hàng hóa bán lẻ qua kênh phân phối này tăng nhanh với tốc độ khoảng 25%/năm, cao hơn so với tốc độ tăng bình quân của cả nước. Một số hệ thống siêu thị trong nước đã xây dựng tổng kho phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu như MM Mega Market, Big C, SaiGon Coop., Aeon, Vin Mart...

- Trung tâm logistic: Hệ thống trung tâm logistics mới được hình thành và phát triển chưa nhiều. Tính đến nay, cả nước có 50 trung tâm logistics (trong đó có 8 trung tâm logistics hạng I, 38 trung tâm logistics cấp tỉnh, 01 trung tâm logistics chưa phân hạng).

- Hệ thống cửa hàng, siêu thị mini: Tại Việt Nam hiện nay có khoảng 30 chuỗi siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi đang kinh doanh như Circle K, Shop&Go, Ministop, FamilyMart, B&B, Day&Night, Co.opfood, Satrafoods, 7-Eleven, Vinmart+, C-Express, Hapromart, Bách Hóa Xanh. Ngoài ra, Bộ đã và đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc rà soát, điều chỉnh hoặc thống nhất tích hợp các quy hoạch về phát triển hạ tầng thương mại, đặc biệt là quy hoạch liên quan tới phát triển chợ, trung tâm logistic, quy hoạch phát triển thương mại tại các địa phương; tham gia, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan để khuyến khích thu hút đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, nhất là tại khu vực nông thôn.

b) Nhằm khai thác tốt nhất hạ tầng phục vụ thương mại lương thực thực phẩm, Bộ đã và đang triển khai các cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc tiêu thụ lương thực, nông sản cho nông dân với giá ổn định, hợp lý, cụ thể:

Bộ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, các đơn vị có liên quan triển khai các giải pháp tăng cường quản lý giá cả và chất lượng trong sản xuất kinh doanh các mặt hàng vật tư nông nghiệp thiết yếu và triển khai công tác bình ổn giá hàng hoá thiết yếu (trong đó có mặt hàng vật tư nông nghiệp, lương thực),

góp phần bình ổn thị trường lương thực, tăng khả năng tiếp cận nguồn hàng lương thực cho người dân.

- Ngành lương thực nước ta đã có những phát triển nhất định, cung – cầu trong nước luôn được đảm bảo với nguồn cung tăng đều hàng năm: Năm 2009, sản lượng lúa (thóc) đạt 38,9 triệu tấn đến năm 2019 ước sản lượng thóc đạt khoảng 44,4 triệu tấn (tăng hơn 14%), việc bảo đảm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu luôn được chú trọng. Năm 2009 xuất khẩu gạo nước ta đạt mức hơn 6 triệu tấn (với kim ngạch đạt khoảng gần 2,5 tỷ đô la), năm 2012, xuất khẩu gạo đạt mức kỷ lục 7,7 triệu tấn (trị giá đạt gần 3,5 tỷ đô la) và duy trì mức xuất khẩu gạo khoảng 5-6 triệu tấn mỗi năm.

- Việc triển khai công tác bình ổn thị trường, bình ổn giá mặt hàng lương thực, giữ giá gạo không tăng quá cao nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn hàng lương thực đối với người dân có thu nhập thấp và bình ổn giá thóc, gạo xuống để bảo đảm nguồn cung lương thực.

Bộ đã xây dựng và triển khai các chính sách về phát triển thương mại nông thôn, chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và hải đảo, chương trình phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (trong khuôn khổ chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới), chương trình xây dựng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm (trong khuôn khổ chương trình mục tiêu y tế & dân số)....tạo điều kiện tốt nhất cho việc sản xuất, lưu thông lương thực:

- Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp, góp phần phát triển nông sản theo hướng tập trung và bền vững (theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010 về Đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020”).

- Triển khai các hoạt động nhằm thúc đẩy trao đổi, lưu thông hàng hóa, tăng cường kết nối thương nhân tại khu vực biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo (theo Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 30/6/2015 về Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020).

- Xây dựng tiêu chí và hỗ trợ các địa phương xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020, góp phần thúc đẩy sản xuất đối với nhóm sản phẩm đặc sản có lợi thế của địa phương (Quyết định số 920/QĐ-BCT ngày 16/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành tiêu chí điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 – 2020).

- Hướng dẫn, thực hiện công tác rà soát, kiểm tra tình hình thực tế về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn tại địa phương (Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn). Đến nay, cả nước có 7.867/8.902 xã đạt Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chiếm 88,4% tổng số xã cả nước.

- Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia chợ kinh doanh thực phẩm và hướng dẫn các địa phương xây dựng mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, qua đó hỗ trợ tiêu thụ lương thực, thực phẩm bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Triển vọng mở cửa thị trường xuất khẩu lương thực thực phẩm Việt Nam trong bối cảnh thực thi các FTAs

Trong giai đoạn từ 2010 đến nay, hàng năm, Việt Nam xuất khẩu từ 5 – 7 triệu tấn gạo, trị giá xuất khẩu đạt từ 2 – 3 tỷ USD/năm. Hoạt động xuất khẩu gạo đã kịp thời tiêu thụ lúa, gạo và nâng cao thu nhập cho người nông dân, góp phần ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội trong nước, đóng góp vào tăng trưởng xuất khẩu chung. Gạo của Việt Nam, đã có mặt tại trên 150 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới với đa dạng sản phẩm như gạo hạt dài, hạt ngắn, gạo thơm, gạo japonica, gạo đặc sản, gạo hữu cơ, gạo dẻo..., đã bước đầu thâm nhập được các thị trường khó tính như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Hoa Kỳ, EU....

Để phát triển thị trường xuất khẩu hàng hóa nói chung, từ sau giai đoạn gia nhập WTO, Bộ Công Thương đã và đang chủ động, tích cực phối hợp với các Bộ, ngành ký kết, kết thúc đàm phán và đang tiến hành đàm phán 16 Hiệp định thương mại tự do (FTAs) song phương và đa phương, góp phần tạo thuận lợi về thuế quan, các quy tắc xuất xứ... . Qua đó tạo ra một khu vực thị trường rộng lớn cho hàng hóa của Việt Nam nói chung và gạo xuất khẩu của Việt Nam nói riêng có cơ hội được tiếp cận và thâm nhập tốt hơn:

- Hạn ngạch 10.000 tấn/năm với mức thuế 0% vào thị trường Liên minh Kinh tế Á - Âu EAEU.

- Với việc được hưởng thuế suất 0% ngay khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực, gạo sẽ có khả năng tiếp cận và tăng trưởng tại thị trường Canada. Mexico cũng là thị trường mới, xuất khẩu khoảng 70.000 tấn/năm và sẽ được hưởng thuế 0% vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Riêng gạo xuất khẩu sang Nhật Bản vẫn chịu sự điều chỉnh bởi hạn ngạch thuế quan theo cam kết của Nhật Bản trong WTO. Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Bộ Nông nghiệp Nhật Bản đã ký Thỏa thuận Hợp tác Phát triển Chuỗi Giá trị Gạo nhằm cải thiện khả năng gạo Việt Nam trúng thầu hạn ngạch thuế quan WTO của Nhật.

- EU dành cho Việt Nam hạn ngạch 80.000 tấn gạo (gồm 30.000 tấn gạo xay xát, 20.000 tấn gạo chưa xay xát và 30.000 tấn gạo thơm). Đặc biệt, EU sẽ tự do hóa hoàn toàn đối với gạo tám (giúp ta có thể xuất khẩu tới 100.000 tấn tám vào EU hàng năm).

- Bên cạnh lượng hạn ngạch chung dành cho tất cả các nước thành viên WTO, Hàn Quốc cam kết hàng năm dành lượng hạn ngạch riêng cho loại gạo mà Việt Nam có thể sản xuất và chế biến được.

Thực hiện công tác đàm phán để cắt giảm thuế quan nhập khẩu vào các nước, tạo điều kiện tốt cho tiếp cận các thị trường. Cơ cấu loại gạo xuất khẩu của Việt Nam đã có nhiều thay đổi, xuất khẩu đã dịch chuyển từ tập trung xuất

khâu gạo trắng chất lượng thấp sang tăng cường xuất khẩu các loại gạo chất lượng, có giá trị gia tăng cao. Bộ Công Thương đã và đang phối hợp tích cực với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động nắm bắt tình hình áp dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch của các nước nhập khẩu để kịp thời thông tin cho các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp, đồng thời đấu tranh có hiệu quả đối với các rào cản kỹ thuật, thương mại bất hợp lý.

3. Tồn tại và hạn chế

- Kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn còn nhiều hạn chế, khó thu hút được đầu tư, xã hội hóa, trong khi vốn ngân sách nhà nước dành cho phát triển còn hạn hẹp, phương thức kinh doanh trong chợ còn đơn giản, thiếu các dịch vụ hỗ trợ.

- Chưa xây dựng được nhiều tổng kho dự trữ hàng hóa, chưa hình thành được những trung tâm tiên tiến, hiện đại (cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, trình độ quản lý) để đáp ứng việc thu mua, sơ chế và bảo quản lương thực, thực phẩm.

- Mối liên kết giữa các chủ thể tham gia vào các khâu trong quá trình sản xuất – chế biến – tiêu thụ lương thực còn chưa hiệu quả, thiếu bền vững.

- Sản xuất lúa gạo chưa bền vững, chưa thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu, hiệu quả và giá trị gia tăng thấp.

- Cơ cấu, chủng loại, giá thành sản xuất, chất lượng, thương hiệu sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh, áp lực tiêu thụ làm tăng mức độ rủi ro thị trường gây tổn thất cho thương nhân xuất khẩu.

- Việc điều chỉnh chính sách của các nước xuất khẩu gạo đã tác động lớn tới thị trường gạo thế giới, làm tình trạng dư cung kéo dài, lượng tồn kho lớn, cạnh tranh quyết liệt giữa các nước xuất khẩu gây áp lực cho Việt Nam. Hạn chế trong công tác đàm phán để được công nhận về quản lý chất lượng và quản lý an toàn thực phẩm.

4. Phương hướng và giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt là kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn. Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về hạ tầng thương mại cho phù hợp với bối cảnh phát triển nhằm tạo môi trường thuận lợi và tạo sự đồng bộ trong phát triển (trong đó chú trọng việc nghiên cứu xây dựng phương án sửa đổi, bổ sung Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 và số 114/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ). Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phát triển chợ đầu mối; phối hợp, khuyến khích phát triển các trung tâm logistics, góp phần tăng cường năng lực dự trữ (thông qua hệ thống kho), tạo thuận lợi cho lưu thông, xuất khẩu.

- Cải thiện hiệu quả chuỗi cung ứng nông nghiệp, cụ thể là chuỗi cung ứng lương thực. Khuyến khích đẩy mạnh cơ chế gắn kết giữa các nhà trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thông qua việc tiếp tục triển khai các mô hình thí điểm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp; xây dựng Đề án

“Đổi mới phương thức tổ chức kinh doanh nông sản nhằm mục đích phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả bền vững” nhằm tăng cường gắn kết sản xuất với tiêu thụ, tạo đầu ra ổn định cho sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án, các chính sách khuyến khích thúc đẩy tiêu thụ ổn định lương thực, thực phẩm (Đề án Phát triển thương mại nông thôn; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; Chương trình mỗi xã một sản phẩm – OCOP....)

- Thực hiện hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Đề án Tái cơ cấu ngành lúa gạo, xây dựng cơ chế theo dõi, báo cáo, thống kê nắm bắt tình hình.

- Thực hiện công tác đàm phán mở cửa thị trường, tăng cường các biện pháp nhằm duy trì thị trường xuất khẩu ổn định, công nhận về chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm; tăng cường áp dụng các biện pháp phòng chống gian lận thương mại, tạo thuận lợi về thuế quan, quy tắc xuất xứ; cải tiến quy trình, thủ tục, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Rà soát và hoàn thiện thể chế về thủ tục xuất khẩu (hải quan, kiểm dịch thực vật, chứng nhận xuất xứ).

- Xây dựng thương hiệu gạo, tái cơ cấu sản xuất lúa, cải tiến công nghệ sau thu hoạch, chế biến; xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia cho sản phẩm gạo xuất khẩu; ứng dụng quy trình, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến, bảo quản lúa gạo; thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, khắc phục tình trạng sử dụng bừa bãi phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất; đầu tư phòng kiểm định chất lượng gạo đạt tiêu chuẩn quốc tế tại một số vùng, tạo thuận lợi cho việc kiểm tra chất lượng gạo, nâng cao chất lượng sản phẩm gạo đạt chuẩn chất lượng quốc tế.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội Lương thực Việt Nam và các doanh nghiệp triển khai thực hiện tốt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo, hoàn thiện cơ chế điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo của thương nhân.

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến, tình hình thị trường, sự thay đổi trong chính sách sản xuất, xuất nhập khẩu của các thị trường, cảnh báo, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn và vướng mắc cho thương nhân trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo; nâng cao năng lực, sức cạnh tranh; xây dựng, củng cố đội ngũ thương nhân. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm gạo để củng cố thị trường, mở đường cho xuất khẩu; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường, giảm dần phụ thuộc vào một số thị trường.